

Số: ~~4412~~/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày ~~31~~ tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/6/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12090/TTr-SNNMT ngày 17/12/2025.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân cấp xã. *(Chi tiết Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/c Đệ);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO;**

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Sở Dân tộc và Tôn giáo	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022. - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.
II	Thủ tục hành chính cấp xã		
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	UBND cấp xã	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022. - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	UBND cấp xã	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày

			24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022. - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. - Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.
3	Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư	UBND cấp xã	- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường . - Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.

PHỤ LỤC II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Trình tự thực hiện.

Bước 1:

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và lập hồ sơ đề xuất theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 16/2024/QĐ-UBND tỉnh, nộp 01 bộ hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến) vào các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, nộp về:

+) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

+) Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với các dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh của Sở Dân tộc và Tôn giáo;

Bước 2:

Hướng dẫn kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đúng quy định Sở Nông nghiệp và Môi trường/ Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định; nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Bước 3:

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh theo phạm vi quản lý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng để xem xét, thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022

của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp dự án/ kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính về Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Nộp trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-ioffice.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (*theo Mẫu 1.1, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An*);
 - + Dự án/kế hoạch liên kết (*theo Mẫu 1.2, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An*);
 - + Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết (*theo Mẫu 1.3, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An*);
 - + Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,

hàng hóa, dịch vụ (theo Mẫu 1.4, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

+ Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Hợp đồng liên kết hoặc Biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chủ trì liên kết

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

- Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Cơ quan phân cấp tham mưu: Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo theo chức năng nhiệm vụ được giao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn:

- Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu 1.1, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

- Dự án/kế hoạch liên kết (theo Mẫu 1.2, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết (theo Mẫu 1.3, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

- Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,

hàng hóa, dịch vụ (theo Mẫu 1.4, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đảm bảo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình gọi chung là dự án phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu

chỉ lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Mẫu hồ sơ**Mẫu 1.1: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CỦA CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi:

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....Email:

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan chủ dự án thành phần cấp tỉnh):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

.....

;

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
 (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.2. DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của

UBND tỉnh Nghệ An)

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT.....

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tên đơn vị đề xuất dự án/kế hoạch (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
 2. Mục tiêu dự án/kế hoạch (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):
 3. Đối tượng tham gia:
 4. Thời gian triển khai:
 5. Địa bàn thực hiện:
 6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):
 7. Nội dung:
 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:
 10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):
 11. Tổ chức thực hiện dự án:
 12. Các nội dung liên quan khác
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 1.3. BẢN THỎA THUẬN CỬ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THỎA THUẬN**Về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)**

Ngày tháng năm , tại , chúng tôi
là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:

3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
 -(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án/ kế hoạch liên kết.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết
(Ký đầy đủ các bên tham gia liên kết)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.4 . BẢN CAM KẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an
toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn
chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
trong các lĩnh vực:

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Trình tự thực hiện.

Bước 1:

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và lập hồ sơ đề xuất theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 16/2024/QĐ-UBND tỉnh, nộp 01 bộ hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến) về Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã vào các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Bước 2:

Hướng dẫn kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì UBND cấp xã hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định; nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Bước 3:

- Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách dự án cấp xã tham mưu UBND cấp xã quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất; có Báo cáo thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, phê duyệt.

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc phê duyệt theo quy định.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 Nghị định

27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp dự án/ kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại UBND cấp xã;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính đến UBND cấp xã;
- Nộp trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-ioffice.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị của chủ trì liên kết *(theo Mẫu 1.1, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
 - + Dự án/kế hoạch liên kết *(theo Mẫu 1.2, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
 - + Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết *(theo Mẫu 1.3, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
 - + Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ *(theo Mẫu 1.4, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
 - + Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Hợp đồng liên kết hoặc Biên bản kí kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị chủ trì liên kết

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan tham mưu: Phòng/đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn:

- Đơn đề nghị của chủ trì liên kết *(theo Mẫu 1.1, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
- Dự án/kế hoạch liên kết *(theo Mẫu 1.2, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết *(theo Mẫu 1.3, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*;
- Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; Bản sao được chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ *(theo Mẫu 1.4, phụ lục I, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)*.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đảm bảo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình gọi chung là dự án phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân

tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Mẫu hồ sơ**Mẫu 1.1: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CỦA CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi:

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....Email:

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan chủ dự án thành phần cấp xã):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

.....

;...../.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.2. DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT.....

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tên đơn vị đề xuất dự án/kế hoạch (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
 2. Mục tiêu dự án/kế hoạch (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):
 3. Đối tượng tham gia:
 4. Thời gian triển khai:
 5. Địa bàn thực hiện:
 6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):
 7. Nội dung:
 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:
 10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):
 11. Tổ chức thực hiện dự án:
 12. Các nội dung liên quan khác
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 1.3. BẢN THỎA THUẬN CỬ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THỎA THUẬN

Về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)

Ngày tháng năm , tại , chúng tôi
là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
 5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng
 2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
 -(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
 2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án/ kế hoạch liên kết.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

(Ký đầy đủ các bên tham gia liên kết)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.4 . BẢN CAM KẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an
toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi:
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn
chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
trong các lĩnh vực:

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Thủ tục hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Trình tự thực hiện.

Bước 1:

Cộng đồng dân cư xây dựng dự án, phương án sản xuất, lập hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 16/QĐ-UBND tỉnh và nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã vào các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

Bước 2:

Hướng dẫn kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đúng quy định thì UBND cấp xã hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định; nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.

Bước 3:

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất; có Báo cáo thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, phê duyệt.

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc phê duyệt theo quy định.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại UBND cấp xã;
- Nộp qua dịch vụ bưu chính đến UBND cấp xã;
- Nộp trực tuyến trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-ioffice.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư (theo Mẫu 2.1, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);
 - + Biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách các hộ dân tham gia dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.2, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);
 - + Tên dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.3, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan chủ trì tham mưu: Phòng/ đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND cấp xã;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn:

- Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư (theo Mẫu 2.1, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);
- Biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách các hộ dân tham gia dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.2, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

- Tên dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.3, phụ lục II, Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An);

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình gọi chung là dự án phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo) và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được UBND cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị-xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được UBND cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu

chỉ lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Mẫu 2.1: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

**TÊN CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ**
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi:

Cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng):.....

Người đại diện theo ủy quyền:

Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....Email:

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã.....:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Nội dung dự án/ phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

.....

;...../.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi họ tên)

Mẫu 2.2. BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp)

Thôn/bản..... đã tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

1. Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia:....).

2. Nội dung cuộc họp

- Thảo luận các nội dung thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của nhà nước, thống nhất về đóng góp của người dân, cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ của nhà nước (nếu có);

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án/phương án sản xuất.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án sản xuất như sau:

TT	Tên đối tượng tham gia dự án(chủ hộ)	Địa chỉ	Số người lao động trong độ tuổi	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ(Ghi rõ mức đối ứng bằng tiền, hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay-điểm chỉ

Cuộc họp đã kết thúc vào....giờ....cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

THƯ KÝ	ĐẠI DIỆN UBND	TRƯỞNG THÔN,	CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
CUỘC HỌP	CẤP XÃ	XÓM, BẢN	(ký, ghi rõ họ tên)
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	

Mẫu 2.3. DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT.....

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án/phương án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):.....
3. Đối tượng tham gia:.....
4. Thời gian triển khai:.....
5. Địa bàn thực hiện:.....
6. Tổng chi phí, dự toán chi tiết theo năm kế hoạch:.....
7. Phương án mua sắm trang vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống con, cây trồng đề xuất hỗ trợ từ NSNN(nếu có):.....
8. Cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có):.....
9. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):.....
10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:.....
11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):.....
12. Tổ chức thực hiện dự án/ phương án:.....
13. Các nội dung liên quan khác:.....

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư

a) Trình tự thực hiện.

Bước 1:

UBND cấp xã nơi đi tổ chức thực hiện:

- Tổ chức tuyên truyền, vận động để từng hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án bố trí ổn định dân cư;

- Phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị quản lý chuyên môn được giao thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư thực hiện các nội dung: Tổ chức họp xóm (thôn, bản) phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ; hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân làm bản cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

- Chỉ đạo thành lập Hội đồng bình xét, đồng thời tổ chức họp bình xét công khai các hộ gia đình, cá nhân có đơn cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án; tổng hợp và niêm yết công khai danh sách hộ gia đình, cá nhân đã được bình xét đủ điều kiện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư tại trụ sở UBND cấp xã hoặc thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 15 ngày.

- Chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư trực thuộc UBND cấp xã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 5 Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT).

Bước 2:

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư cấp xã tham mưu UBND cấp xã quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án bố trí dân cư; có Báo cáo thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp xã, xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định).

Nội dung thẩm định phải đảm bảo đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT khoản 5 Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định).

(Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài xã, trong tỉnh thì UBND cấp xã nơi đi ban hành văn bản gửi kèm theo Quyết định này đề nghị UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư).

Trường hợp các phương án, dự án bố trí ổn định dân cư không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lưu ý: UBND cấp xã thực hiện đúng quy trình theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

Sau khi có Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của UBND cấp xã, cụ thể:

(1) Trường hợp bố trí ổn định dân cư trong xã:

+ Sau khi ban hành Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án thì UBND cấp xã chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân thực hiện di dời và xây dựng nhà tại nơi ở mới đúng quy định; tổ chức nghiệm thu sổ hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định thuộc dự án, phương án bố trí ổn định dân cư và thực hiện chi trả chế độ, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành.

Các nội dung: Tổ chức nghiệm thu sổ hộ gia đình, cá nhân và thực hiện chi trả chế độ chính sách hỗ trợ thực hiện theo quy định tại các điểm d và đ khoản 3 Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

(2) Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài xã, trong tỉnh:

+ Sau khi ban hành Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án thì UBND cấp xã nơi đi có văn bản gửi kèm theo Quyết định này đề nghị UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

+ Căn cứ văn bản của UBND cấp xã nơi đi và kế hoạch của UBND cấp tỉnh giao; trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của UBND cấp xã nơi đi, UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

+ Sau khi ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư thì UBND cấp xã nơi đến chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án; phối hợp với UBND cấp xã nơi đi tổ chức giao, nhận dân

Mẫu 2.2. BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của
UBND tỉnh Nghệ An)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp)

Thôn/bản..... đã tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

1. Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia:....).

2. Nội dung cuộc họp

- Thảo luận các nội dung thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của nhà nước, thống nhất về đóng góp của người dân, cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ của nhà nước (nếu có);

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án/phương án sản xuất.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án sản xuất như sau:

TT	Tên đối tượng tham gia dự án(chủ hộ)	Địa chỉ	Số người lao động trong độ tuổi	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ(Ghi rõ mức đối ứng bằng tiền, hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay-điểm chỉ

Cuộc họp đã kết thúc vào....giờ....cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

**THƯ KÝ
HỌP**

ĐẠI DIỆN UBND

TRƯỞNG THÔN,

CHỦ TRÌ CUỘC

CUỘC HỌP

CẤP XÃ

XÓM, BẢN

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ trình của phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư cấp xã trình UBND cấp xã về việc phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án;

- Bản cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư (Mẫu 1.1, Phụ lục V, ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT)

- Biên bản bình xét hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư (Mẫu 1.2, Phụ lục VI, ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT);

+ Danh sách các hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án (Mẫu 1.3, Phụ lục VII, ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Đảm bảo thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở riêng và đang sinh sống thường xuyên tại vị trí cần di dời theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời không có nhà ở ổn định khác ngoài khu vực cần di dời (trừ các hộ dân làng chài sống trên sông nước);

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ nhưng chưa được hỗ trợ, đã xây dựng nhà ở tại nơi ở mới (nơi tái định cư) đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, diện tích nhà ở tối thiểu 30m²; đảm bảo mỹ quan, phù hợp với phong tục tập quán của địa phương;

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng phải có cam kết xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định lâu dài tại nơi ở mới.

- Đối với hình thức bố trí ổn định dân cư xen ghép, ngoài các điều kiện nêu trên, cần có thêm các điều kiện sau: Hộ gia đình, cá nhân phải tự tìm kiếm đất ở để tái định cư nơi ở mới, đồng thời phải đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã thực hiện đúng quy định về quản lý đất đai theo Luật Đất đai hiện hành.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới,

hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo

- Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024-2030.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án (kèm theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định).

(Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài xã, trong tỉnh thì UBND cấp xã nơi đi ban hành văn bản gửi kèm theo Quyết định này đề nghị UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư).

Trường hợp các phương án, dự án bố trí ổn định dân cư không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Lưu ý: UBND cấp xã thực hiện đúng quy trình theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

Sau khi có Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của UBND cấp xã, cụ thể:

(1) Trường hợp bố trí ổn định dân cư trong xã:

+ Sau khi ban hành Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án thì UBND cấp xã chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân thực hiện di dời và xây dựng nhà tại nơi ở mới đúng quy định; tổ chức nghiệm thu sổ hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định thuộc dự án, phương án bố trí ổn định dân cư và thực hiện chi trả chế độ, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành.

Các nội dung: Tổ chức nghiệm thu sổ hộ gia đình, cá nhân và thực hiện chi trả chế độ chính sách hỗ trợ thực hiện theo quy định tại các điểm d và đ khoản 3 Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

(2) Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài xã, trong tỉnh:

+ Sau khi ban hành Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án thì UBND cấp xã nơi đi có văn bản gửi kèm theo Quyết định này đề nghị UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

+ Căn cứ văn bản của UBND cấp xã nơi đi và kế hoạch của UBND cấp tỉnh giao; trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của UBND cấp xã nơi đi, UBND cấp xã nơi đến xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

+ Sau khi ban hành Quyết định tiếp nhận hộ gia đình, cá nhân đến vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư thì UBND cấp xã nơi đến chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn phụ trách thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án; phối hợp với UBND cấp xã nơi đi tổ chức giao, nhân dân

dân cư xen ghép vùng thiên tai xã.... Nếu được chấp nhận tôi xin cam đoan:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của pháp luật.
- Tự tìm kiếm đất để tái định cư nơi ở mới, đồng thời đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã thực hiện đúng quy định về quản lý đất đai theo Luật Đất đai hiện hành.
- Xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung-tường cứng, mái cứng) theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, diện tích tối thiểu 30m² và ổn định cuộc sống lâu dài tại nơi ở mới.
- Bàn giao lại diện tích đất nơi ở cũ để UBND xã...thu hồi.

Nếu tôi không thực hiện đúng cam kết ở trên, tôi sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ các khoản tiền nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

XÁC NHẬN CỦA UBND

CẤP XÃ

(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ HỘ LÀM CAM KẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*) Đối tượng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới.

Mẫu 1.2: Phụ lục VI**MẪU BIÊN BẢN BÌNH XÉT HỘ DÂN THAM GIA DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN BÌNH XÉT HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THAM GIA
DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN.....(*)**

Hôm nay, ngày.....tháng..... năm.....,

Tại thôn (bản).....xã..... tỉnh.....

diễn ra cuộc họp với các nội dung sau:

I. Thành phần Hội đồng bình xét gồm:

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....; Chức danh trong Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng;
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....; Chức danh trong Hội đồng: Thư ký, Thành viên;
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....; Chức danh trong Hội đồng: Thành viên;
-

II. Kết quả bình xét

Tổng số hộ gia đình, cá nhân có Bản cam kết, tham gia bình xét:.....hộ

Số hộ gia đình, cá nhân được bình xét: hộ (Bằng chữ:.....)

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC BÌNH XÉT THAM GIA
DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN**

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh		Số Căn cước công dân (chủ hộ)	Tổng số người trong hộ (người)	Đối tượng (**)
		Nam	Nữ			
1						
2						
...						
	Tổng cộng					

Cuộc họp kết thúc vào lúc ngày

Biên bản được lập thành....bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ.... bản./.

Ghi chú:

(*) Tên dự án, phương án;

(**) Đối tượng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU	UBND CẤP XÃ
(Ký và ghi rõ họ tên)	BÌNH XÉT	TU
	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)
		(Ký tên và đóng dấu)